CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

**Phụ lục số 12**

**GIÁ ĐẤT Ở KHU VỰC ĐÔ THỊ, VEN ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH VÀ CÁC TRỤC ĐƯỜNG KHÁC TẠI HUYỆN LỘC HÀ**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 4080 /QĐ-UBND ngày 22/12/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

| TT | Tên đường, đoạn đường | Đơn giá đồng/$m^2$ |
|---|---|---|
| **A** | **ĐƯỜNG TỈNH LỘ 9 VÀ KHU VỰC XÃ THẠCH KIM** | |
| 1 | **- Từ Cầu Hộ Độ đến hết xã Hộ Độ** | |
| | + Từ cầu Hộ Độ đến cách đường đi Mỏ sắt Thạch Khê 150m | 1.800.000 |
| | + Khu vực ngã tư TL9 giao với đường nối QL 1A đi Mỏ sắt Thạch Khê (bán kính 150 m). | 1.500.000 |
| | + Tiếp đó đến hết xã Hộ Độ. | 1.300.000 |
| 2 | Từ giáp xã Hộ Độ đến đường đi nhà thờ Đồng Xuân | 1000.000 |
| 3 | Từ đường đi nhà thờ Đồng Xuân đến ngã 3 Côn Sơn | 1.050.000 |
| 4 | Từ ngã 3 Côn Sơn đến thị tứ xã Thạch Châu | 1.200.000 |
| 5 | Khu vực thị tứ xã Thạch Châu (ranh giới xác định theo bản quy hoạch Thị tứ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt) | 1.400.000 |
| 6 | Từ thị tứ Thạch Châu đến hết xã Thạch Châu | 1.100.000 |
| 7 | - Từ giáp xã Thạch Châu đến cầu bà Thụ | |
| | 1. Đoạn từ Thạch Châu đến đường đi chùa Kim Dung | 1.300.000 |
| | 2. Tiếp đó đến cầu bà Thụ | 1.600.000 |
| 8 | Từ cầu bà Thụ đến điểm cuối Tỉnh lộ 9 giao với kè chắn sóng (Thạch Kim) | 2.100.000 |
| 9 | - Đoạn từ điểm cuối Tỉnh lộ 9 đến hết cảng cá Thạch Kim | |
| | + Dãy ngoài kè chắn sóng (Phía Đông) | 1.000.000 |
| | + Dãy trong kè chắn sóng (Phía Tây) | 1.200.000 |

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

| TT | Tên đường, đoạn đường | Đơn giá đồng/$m^2$ |
|---|---|---|
| | 0 | |
| | + Dãy ngoài kè chắn sóng (Phía Đông) | 700.000 |
| 10 | + Dãy trong kè chắn sóng (Phía Tây) | 1.000.000 |
| 11 | - Khu vực phía Nam Tỉnh lộ 9 (trừ tuyến 1): xóm Giang Hà; Xuân Phượng; Hoa Thành | 950.000 |
| | - Khu vực phía Bắc Tỉnh lộ 9 (trừ tuyến 1) | |
| 12 | + Các vị trí nằm trong khu vực phía Nam của đường liên thôn (Long Hải - Liên Tân), giáp Tỉnh lộ 9, cạnh nhà anh Tiến Bính đến kè chắn sóng (trừ các vị trí đã quy định khung giá) | 950.000 |
| | + Các vị trí phía Bắc bám trục đường liên thôn (Long Hải - Liên Tân) | 800.000 |
| 13 | - Các vị trí còn lại của xã Thạch Kim | 500.000 |
| | **ĐƯỜNG 22/12** | |
| | 1. Giáp Tỉnh lộ 9 (thị tứ Thạch Châu) đến hết xã Thạch Mỹ | 600.000 |
| | - Từ giáp Tỉnh lộ 9 đến hết đất UBND xã Thạch Châu | 900.000 |
| | - Ngã tư giao với đường cầu Trù - Thạch Bằng (bán kính 300m) | 800.000 |
| **B** | 2.Từ giáp xã Thạch Mỹ đến đường Vượng - An | 450.000 |
| | - Ngã ba (Thụ - Bình) bán kính 200m | 550.000 |
| | - Trung tâm chợ huyện bán kính 300m | 750.000 |
| | - Trung tâm UBND xã An Lộc (bán kính 200m) | 550.000 |
| | 3.Từ đường Vượng - An đến hết xã Thịnh Lộc | 350.000 |
| | + Trung tâm ngã 3 (khu vực UBND xã Thịnh Lộc) bán kính 250m | 550.000 |

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

| TT | Tên đường, đoạn đường | Đơn giá đồng/$m^2$ |
|---|---|---|
| C | **ĐƯỜNG TỈNH LỘ 7** | |
| | 1. Từ giáp huyện Can Lộc đến Cầu Trù | 500.000 |
| | - Khu vực ngã tư Ích Hậu (bán kính 300m) | 650.000 |
| | 2. Từ cầu Trù đến đường Hồng - Thụ | 600.000 |
| | 3. Tiếp đó đến cách ngã ba Thụ - Bình 200m giáp đường 22-12 | 500.000 |
| | - Đoạn cách ngã ba Thụ - Bình (bán kính 200m) | 550.000 |
| D | **- ĐƯỜNG VƯỢNG - AN** | |
| | 1. Từ giáp đường 22/12 đến cống đầu làng Kim Tân | 400.000 |
| | 2. Tiếp đó đến hết xã Hồng Lộc | 300.000 |
| | + Trung tâm xã Tân Lộc (Từ nhà chị Đặng Thị Hà đến trạm Viễn thông) | 450.000 |
| | + Trung tâm chợ Chiều Hồng Lộc (bán kính 250m) | 450.000 |
| Đ | **- ĐƯỜNG NỐI QUỐC LỘ 1A ĐI MỎ SẮT THẠCH KHÊ** | |
| | 1. Từ cầu Thạch Sơn đến qua đường Tỉnh lộ 9 dài 150 m | 1.300.000 |
| | 2.Tiếp đó đến đường trục xã đi UBND xã Hộ Độ | 850.000 |
| | 3. Tiếp đó đến cầu Cửa Sót (đoạn còn lại) | 600.000 |
| | **- CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRỤC KHÁC** | |
| | 1. Đường từ cầu Hộ Độ qua UBND xã đến đê Tả Nghèn | |
| | - Đoạn từ cầu Hộ Độ đến hết UBND xã Hộ Độ | 300.000 |

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

| TT | Tên đường, đoạn đường | Đơn giá đồng/$m^2$ |
|---|---|---|
| | - Tiếp đó đến đê Tả Nghèn | 250.000 |
| | + Khu vực ngã tư giao với đường QL 1A đi Mỏ sắt Thạch Khê bán kính 150m. | 400.000 |
| | 2. Đường từ UBND xã Hộ Độ đến hết xóm Tân Hợp | 200.000 |
| | 3. Đường từ Tỉnh lộ 9 qua trường Tiểu học xã đến Bưu điện xã Hộ Độ | 300.000 |
| | 4. Đường từ đường đi UBND xã Hộ độ qua Bưu điện xã đến hết xã hộ độ | 200.000 |
| | 5. Đường từ Tỉnh lộ 9 xuống sông Nghèn (Thạch Mỹ) | 500.000 |
| | **6. Đường từ Tỉnh lộ 9 (xóm Tây Sơn) đến đê Tả Nghèn xóm Mai Lâm** | |
| | - Đoạn từ Tỉnh lộ 9 đến ngã tư đường đi trường Mầm non xã Mai Phụ | 350.000 |
| | + Đoạn ngã tư xã Mai Phụ bán kính 200 m | 450.000 |
| | - Tiếp đó đến đê Tả Nghèn xóm Mai Lâm | 250.000 |
| | 7. Đường trục xã Thạch Mỹ (nối T.Lộ 9 đến đường 22/12) | 350.000 |
| | - Đoạn trung tâm chợ Cồn bán kính 250 m | 500.000 |
| | 8. Đường nối từ T.Lộ 9 ($NHNN_0$) đến đường 22/12 (xã Thạch Châu) | 700.000 |
| | 9. Đường từ Tỉnh lộ 9 (sau Ngân hàng NN) đến đường đi Thạch Mỹ | 600.000 |
| | 10. Đường từ Thạch Mỹ đến đường rẽ về đường 22/12 (xóm Đức Châu, xã Thạch Châu) | 450.000 |
| | 11. Từ đường rẽ (xóm Đức Châu, Thạch Châu) đến giáp đường 22/12 (cạnh nhà truyền thống Thạch Châu) | 600.000 |
| | 12. **Đường từ T.lộ 9 (ngã 4 thị tứ Thạch Châu) đi xã Mai Phụ** | |

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

| TT | Tên đường, đoạn đường | Đơn giá đồng/$m^2$ |
|---|---|---|
| E | - Đoạn từ ngã tư thị tứ đến hết xã Thạch Châu | 550.000 |
| | - Tiếp đó đến cầu Cửa Đình (đê Tả Nghèn) | 400.000 |
| | - Đoạn ngã tư xã Mai Phụ (bán kính 250 m). | 500.000 |
| | 13. Đường từ T.lộ 9 qua trường Mầm non xã Thạch Châu đến đê kênh C2 | 300.000 |
| | 14.Đường từ Tỉnh lộ 9 (nhà anh Hào) đến cống gần nhà anh Hà Thảo | 300.000 |
| | 15. **Đường từ đường 22/12 đến ngã ba giao với đường đi biển Xuân Hải** | |
| | - Từ đường 22/12 đến cầu Chợ Mới | 800.000 |
| | - Tiếp đó đến đường vào hội quán Xuân Dừa | 600.000 |
| | - Từ đường vào hội quán Xuân Dừa đến ngã ba đường đi bãi biển | 800.000 |
| | - Khu vực ngã tư giao với đường chùa Kim Dung (BK 250m) | 1000.000 |
| | 16. Đường nối từ T.Lộ 9 đi Chùa Kim Dung (xã Thạch Bằng) | 800.000 |
| | 17. Đường từ T.Lộ 9 (nhà ông Tuân) theo hướng Bắc đến giáp xã Thịnh Lộc | 700.000 |
| | 18. Từ giáp xã Thạch Bằng đến đường 22/12 (xã Thịnh Lộc) | 500.000 |
| | 19. Đường nối Tỉnh lộ 9 (Cửa hàng Ninh Vàng) đến đường đi biển X. Hải | 600.000 |
| | 20. Đường nối Tỉnh lộ 9 đến Ngân hàng Chính sách xã hội | 550.000 |
| | 21. Đường từ nhà thờ Xuân Hải ra bãi biển Xuân Hải | 800.000 |
| | 22. Đường từ Đồn BP 164 ra bãi biển Xuân Hải | 800.000 |
| | 23. Đường từ Đồn BP 164 (T.Bằng) đến đường 22-12 (Bình Lộc) | 450.000 |

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

| TT | Tên đường, đoạn đường | Đơn giá đồng/$m^2$ |
|---|---|---|
| | 24. Đường từ trường tiểu học Thạch Mỹ đến đường Cầu Trù - Thạch Bằng | 300.000 |
| | 25. Đường nối từ ngã 3 đường 22-12 xóm Yên Bình đến giáp xóm Minh Quý xã Thạch châu (qua nhà anh Cương) | 450.000 |
| | 26. **Đường từ ngã 3 cây xăng Cầu Trù đến giáp đường 22/12 (Thạch Châu)** | |
| | - Đường từ ngã 3 cây xăng Cầu Trù đến ngã 4 đường trục xã Thạch Mỹ | 350.000 |
| | - Tiếp đó đến ngã tư Bệnh viện giao với đường 22-12 | 600.000 |
| | 27. Đường từ Hồng Lộc đi Phù Lưu (đường Hồng - Thụ) | 250.000 |
| | 28. **Đường từ T.Lộ 7 nối đường 58 xã Hồng Lộc** | |
| | + Đường từ T.Lộ 7 nối đường Vượng - An (Ích Hậu - Hồng Lộc) | 300.000 |
| | + Tiếp đó đến đường 58 | 200.000 |
| | 29. Đường từ ngã tư chợ huyện đi Nam Sơn-Thịnh Lộc (đường Bình Thịnh) | 250.000 |
| | 30. **Đường từ giáp Tỉnh lộ 7 đến cầu Kênh Cạn** | |
| | - Từ Tỉnh lộ 7 đến trường Tiểu học xã Ích Hậu | 350.000 |
| | - Tiếp đó đến cầu Kênh Cạn | 200.000 |
| | **BỔ SUNG KHU VỰC VÀ TUYẾN ĐƯỜNG MỚI** | |
| | 1. Khu vực tái định cư xóm Nam Phong - Hộ Độ | 350.000 |
| | 2. Khu vực QH dân cư đấu giá bãi biển Xuân Hải đã xây dựng cơ sở hạ tầng | 1.100.000 |
| | 3. Đường từ ngã tư xóm 5 đến sân bóng xóm 5 Thạch Mỹ | 200.000 |
| | 4. Đường Hộ đê từ bà Tá xóm 5 đến hết nhà ông Sáu xóm 5 Thạch Mỹ | 200.000 |

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

| TT | Tên đường, đoạn đường | Đơn giá đồng/$m^2$ |
|---|---|---|
| | 5. Đường từ nhà cô Ca xóm 8 rẽ về Hội quán xóm 8 Thạch Mỹ | 200.000 |
| | 6. Đường từ nhà ông Hạnh xuân xóm 8 rẽ xuống xóm 15 Thạch Mỹ | 200.000 |
| | 7. Đường từ TL9 (nhà anh Đệ) đến giáp đường Thạch Châu đi Mai phụ | 250.000 |
| | 8. Đường từ TL9 đi qua xóm Minh Quí, Thạch Châu đến giáp đường đi xóm Khánh Yên, xã Thạch Bằng | 250.000 |

**F. Một số hệ số điều chỉnh giá riêng:**

**1. Phân loại vùng đất ở:**

**1.1. Các xã Thạch Bằng, Thạch Châu, Bình Lộc được phân vùng chi tiết đến từng xóm:**

**+ Xã Thạch Bằng:**

Xóm vùng 1 gồm: Xóm Phú Xuân, Xuân Mỹ, Xuân Nghĩa, Trung Nghĩa, Xuân Hải, Xuân Dừa.

Xóm vùng 2 gồm: Xóm Phú Mậu, Xuân Hoà, Xuân Phú, Tân Xuân, Xuân Đông, Khánh Yên, Yên Bình.

**+ Xã Thạch Châu:**

Xóm vùng 1 gồm: Xóm Quang Phú, Thanh Tân, Hồng Lạc, Bằng Châu, Đức Châu.

Xóm vùng 2 gồm: Xóm Lâm Châu, Châu Hạ, An Lộc, Tiến Châu, Kim Ngọc, Minh Quý.

**+ Xã Bình Lộc:**

Xóm vùng 1 gồm: Xóm 13, xóm 14, xóm 15, xóm 16.

Xóm vùng 2 gồm: Xóm 8, xóm 9, xóm 10, xóm 11, xóm 12.

**1.2. Các xã Mai Phụ, Hộ Độ, Phù Lưu, Ích Hậu, Tân Lộc, Hồng Lộc, An Lộc, Thịnh Lộc, Thạch Mỹ được phân vùng theo quy định tại phụ lục số 13.**

**2. Hệ số điều chỉnh giá đất ở**

- Các xã: Thạch Châu, Thạch Bằng, Bình Lộc được áp dụng hệ số điều chỉnh như sau:

+ Đối với các xóm vùng 1: Những tuyến đường chưa quy định giá tại tại các mục (A, B, C, D, Đ, E) mà vị trí thửa đất bám đường có nền đường rộng ≥ 4 m thì được tính giá đất vùng 1; những vị trí đất bám đường có nền đường rộng < 4 m hoặc không có đường được tính bằng 80% giá đất vùng 1.

+ Đối với các xóm vùng 2: Những tuyến đường chưa quy định giá tại các mục (A, B, C, D, Đ, E) mà vị trí thửa đất bám đường có nền đường rộng ≥ 4 m thì được tính giá vùng 2; những vị trí đất bám đường có nền đường rộng < 4 m hoặc không có đường được tính bằng 80% giá đất vùng 2.

- Giá đất ở nông thôn xã Thạch Bằng (trừ những vị trí bám đường đã quy định giá riêng tại các mục A, B, E) được áp dụng giá đất các vùng nhân hệ số 1,2.

**G. Các hệ số điều chỉnh giá còn lại áp dụng theo phụ lục số 13.**